

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành tại Quyết định số 1864/QĐ-ĐHM, ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : Tiếng Anh thương mại
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh Mã số: 52220201
Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo những cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh (Chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại) có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và có sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Kiến thức chuyên ngành: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các cấp độ của tiếng Anh như ngữ âm, hình thái, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa, văn hóa – văn học của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ; kiến thức chuyên ngành nền tảng và nâng cao về thương mại để ứng dụng trong công tác chuyên môn và hội nhập xã hội.

1.2.2 Kỹ năng

▪ **Kỹ năng ngôn ngữ:** Trong quá trình học tập sinh viên có cơ hội học tập đồng bộ 4 kỹ năng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) đặc biệt là nghe - nói thông qua các hoạt động học thuật như câu lạc bộ tiếng Anh, hội thi hùng biện.

▪ **Kỹ năng chuyên môn:** Đạt chuẩn kỹ năng chung căn bản của ngành Ngôn ngữ Anh và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành tiếng Anh Thương mại.

1.2.3 Thái độ:

- Có đạo đức nghề nghiệp (trung thành với ngôn ngữ nguồn, không dịch theo yêu cầu khách hàng), có ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tôn trọng nội quy của cơ quan.
- Có thái độ cởi mở và khoan dung với dị biệt về ngôn ngữ, văn hóa và cách ứng xử khi làm việc trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa.
- Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân.
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.2.4 Ngoại ngữ

Sinh viên ra trường sẽ đạt trình độ tương đương Trung cấp (một trong năm ngoại ngữ sau: tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Tây Ban Nha).

1.2.5 Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại) có năng lực làm việc tại các công ty liên doanh, các cơ quan, xí nghiệp, nhà hàng, khách sạn về kỹ năng văn phòng, giao dịch thương mại, biên phiên dịch ở trình độ đại học.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

Chương trình đào tạo Cử nhân Đại học thực hiện trong 11 học kỳ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ (Không kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất)

4. Đối tượng tuyển sinh:

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2012, Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2013, Thông tư số 21/2013/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2013, Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013, Thông tư số 28/2013/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2013 và Thông tư 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1 Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm

2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Quyết định số 789/QĐ-ĐHM ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

5.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Quyết định số 789/QĐ-ĐHM ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;

Sinh viên phải đạt chuẩn ngôn ngữ đầu ra là bậc 5 trong khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định hoặc có chứng chỉ tương đương C1 theo Khung đánh giá Năng lực ngôn ngữ Châu Âu (CEFR).

Đối với chuẩn chuyên ngành đầu ra, sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh thương mại phải có chứng chỉ BEC - Vantage (Business English Certificate).

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;

Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

6. Thang điểm

Chương trình áp dụng thang điểm 10.

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức Giáo dục Đại cương: 42 tín chỉ

7.1.1. Lý luận chính trị: 10 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ
-----------	--------------------	-------------------	-------------------

			TC	LT	TH
1	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	POLI1201	2	2	0
2	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	POLI2302	3	3	0
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	POLI2301	3	3	0

7.1.2. Khoa học xã hội và nhân văn: 11 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Pháp luật đại cương	GLAW2101	2	2	0
2	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	EDUC3203	2	2	0
3	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0
4	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1
	<i>Môn tự chọn: Sinh viên chọn 2 trong 4 môn sau</i>				
1	Cơ sở ngôn ngữ học	VIET1203	2	2	0
2	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	VIET1202	2	2	0
3	Tiếng Việt thực hành	VIET1201	2	2	0
4	Ngôn ngữ học đối chiếu	VIET1204	2	2	0

7.1.3. Ngoại ngữ hai: 15 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Tiếng Hoa 1- 5	GCHI1301 - GCHI1305	15	15	0
2	Tiếng Pháp 1- 5	FREN1301 - FREN1305	15	15	0
3	Tiếng Nhật 1- 5	GJAP1301 - GJAP1305	15	15	0
4	Tiếng Hàn 1- 5	KORE1301 - KORE1305	15	15	0
5	Tiếng Tây Ban Nha 1- 5	SPAN1301 - SPAN1305	15	15	0

7.1.4. Tin học: 6 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0
2	Tin học chuyên ngành	COMP2403	3	2	1

7.1.5. Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

7.1.6. Giáo dục quốc phòng: 8 tín chỉ

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 93 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức ngành tiếng Anh thương mại: 65 tín chỉ

7.2.1.1. Khối kiến thức tiếng: 54 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Ngữ pháp	ENGL1301	3	3	0
2	Viết 1	ENGL1306	3	3	0
3	Viết 2	ENGL2302	3	3	0
4	Viết 3	ENGL2306	3	3	0
5	Nghe nói 1	ENGL1304	3	3	0
6	Nghe nói 2	ENGL1305	3	3	0
7	Nghe nói 3	ENGL2301	3	3	0
8	Nghe nói 4	ENGL2305	3	3	0
9	Nghe nói 5	ENGL3301	3	3	0
10	Nghe nói 6	ENGL3304	3	3	0
11	Đọc hiểu 1	ENGL1302	3	3	0
12	Đọc hiểu 2	ENGL1307	3	3	0
13	Đọc hiểu 3	ENGL2303	3	3	0
14	Đọc hiểu 4	ENGL2307	3	3	0
15	Luyện dịch 1	ENGL2304	3	3	0
16	Luyện dịch 2	ENGL2308	3	3	0
17	Luyện dịch 3	ENGL3302	3	3	0
18	Luyện phát âm Anh-Mỹ	ENGL1303	3	3	0

7.2.1.2. Khối kiến thức ngôn ngữ: 6 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Ngữ âm - Âm vị học	ENGL3201	2	2	0
2	Cú pháp - Hình thái học	ENGL3206	2	2	0
3	Ngữ nghĩa học	ENGL4201	2	2	0

7.2.1.3. Khối kiến thức văn hóa - văn học: 5 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Văn hóa Anh - Mỹ	ENGL2309	3	3	0
1	Văn học Anh	ENGL3205	2	2	0
2	Văn học Mỹ	ENGL3204	2	2	0

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành phụ Quản trị kinh doanh: 15 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Quản trị học	ENGL1308	3	3	0

2	Marketing căn bản	ENGL2312	3	3	0
3	Nguyên lý kế toán	ENGL2313	3	3	0
4	Kinh tế vi mô	ENGL1309	3	3	0
5	Môn tự chọn: <i>Sinh viên chọn 1 trong 3 môn sau</i>				
	Quan hệ công chúng	ENGL4310	3	3	0
	Nghiệp vụ văn phòng	ENGL2310	3	3	0
	Tiền tệ ngân hàng	ENGL4312	3	3	0

7.2.3. Kiến thức bổ trợ: 2 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	<i>Sinh viên chọn 1 trong các môn sau</i>				
1	Nghiệp vụ/giao dịch ngân hàng	ENGL4205	2	2	0
2	Thanh toán quốc tế	ENGL4206	2	2	0
3	Nghiệp vụ ngoại thương	ENGL4203	2	2	0
4	Đàm phán trong kinh doanh	ENGL4208	2	2	0
5	Giao tiếp trong kinh doanh	ENGL4210	2	2	0
6	Anh ngữ du lịch	ENGL4218	2	2	0
7	Anh ngữ kinh doanh	ENGL4219	2	2	0
8	Anh ngữ nhân dụng	ENGL4220	2	2	0
9	Kỹ năng thuyết trình	ENGL3202	2	2	0
10	Kỹ năng làm bài thi TOEFL	ENGL4221	2	2	0

7.2.4. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận: 11 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp	ENGL4499	4	0	4
2	Khóa luận tốt nghiệp <i>hoặc</i> hoàn tất các môn thay thế sau:	ENGL4799	7	0	7
	- 1 môn trong phần kiến thức chuyên ngành phụ tự chọn		3	0	3
	- 2 môn trong phần kiến thức bổ trợ		4	0	4

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

HỌC KỲ 1

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ
----	-------------	------------	------------

			TC	LT	TH
1	Nghe nói 1	ENGL1304	3	3	0
2	Ngữ pháp	ENGL1301	3	3	0
3	Luyện phát âm Anh - Mỹ	ENGL1303	3	3	0
4	Khoa học XH và nhân văn (tự chọn 1)		2	2	0
5	Pháp luật đại cương	GLAW2101	2	2	0
6	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0
7	Giáo dục thể chất 1	PEDU1201	2	0	2
8	Giáo dục quốc phòng	DEDU1801	8	0	8
Cộng			26	16	10

HỌC KỲ 2

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Nghe nói 2	ENGL1305	3	3	0
2	Viết 1	ENGL1306	3	3	0
3	Đọc hiểu 1	ENGL1302	3	3	0
4	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin (Phần I)	POLI1201	2	2	0
5	Tin học chuyên ngành	COMP2403	3	2	1
6	Giáo dục thể chất 2	PEDU1302	3	0	3
7	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0
Cộng			19	15	4

HỌC KỲ 3

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Nghe nói 3	ENGL2301	3	3	0
2	Viết 2	ENGL2302	3	3	0
3	Đọc hiểu 2	ENGL1307	3	3	0
4	Ngoại ngữ hai (1)		3	3	0
5	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin (Phần II)	POLI2302	3	3	0
Cộng			15	15	0

HỌC KỲ 4

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Nghe nói 4	ENGL2305	3	3	0

2	Viết 3	ENGL2306	3	3	0
3	Đọc hiểu 3	ENGL2303	3	3	0
4	Ngoại ngữ hai (2)		3	3	0
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0
Cộng			14	14	0

HỌC KỲ 5

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Nghe nói 5	ENGL3301	3	3	0
2	Đọc hiểu 4	ENGL2307	3	3	0
3	Luyện dịch 1	ENGL2304	3	3	0
4	Khoa học XH và nhân văn (tự chọn 2)		2	2	0
5	Đường lối Cách mạng của Đảng CS Việt Nam	POLI2301	3	3	0
6	Ngoại ngữ hai (3)		3	3	0
Cộng			17	17	0

HỌC KỲ 6

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Nghe nói 6	ENGL3304	3	3	0
2	Luyện dịch 2	ENGL2308	3	3	0
3	Văn hóa Anh - Mỹ	ENGL2309	3	3	0
4	Ngoại ngữ hai (4)		3	3	0
5	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	EDUC3203	2	2	0
Cộng			14	14	0

HỌC KỲ 7

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Văn học Anh hoặc Văn học Mỹ		2	2	0
2	Luyện dịch 3	ENGL3302	3	3	0
3	Ngoại ngữ hai (5)		3	3	0
4	Môn bổ trợ		2	2	0
Cộng			10	10	0

HỌC KỲ 8

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH

1	Ngữ âm - Âm vị học	ENGL3201	2	2	0
2	Kinh tế vi mô	ENGL1309	3	3	0
3	Môn chuyên ngành tự chọn		3	3	0
4	Môn bổ trợ (<i>môn thay thế khóa luận TN</i>)		2	2	0
Cộng			10	10	0

HỌC KỲ 9

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Cú pháp - Hình thái học	ENGL3206	2	2	0
2	Marketing căn bản	ENGL2312	3	3	0
3	Quản trị học	ENGL1308	3	3	0
4	Môn bổ trợ (<i>môn thay thế khóa luận TN</i>)		2	2	0
Cộng			10	10	0

HỌC KỲ 10

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Ngữ nghĩa học	ENGL4201	2	2	0
2	Nguyên lý kế toán	ENGL2313	3	3	0
3	Môn chuyên ngành tự chọn (<i>môn thay thế khóa luận TN</i>)		3	3	0
4	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1
Cộng			9	8	1

HỌC KỲ 11

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp	ENGL4499	4	0	4
2	Khóa luận	ENGL4799	7	0	7

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại được thiết kế và xây dựng trên đây gồm 135 tín chỉ, chưa tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Các môn học trong toàn bộ chương trình được sắp xếp theo trình tự những loại kiến thức do mục tiêu đào tạo yêu cầu. Khi thực hiện, các môn học được bố trí giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy trong vòng 11 học kỳ. Các môn học của từng học kỳ được sắp xếp theo trình tự nghiêm ngặt trong đó môn học của học kỳ trước làm nền tảng kiến thức cho các môn học của các học kỳ sau cho đến khi hoàn tất toàn bộ chương trình.

Căn cứ kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ và Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên đăng ký môn học theo từng học kỳ (Quy trình đăng ký môn học) dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập. Các môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và các môn học chung toàn trường được tổ chức học theo kế hoạch chung của Phòng Quản lý Đào tạo.

Việc giảng dạy từng môn học trong toàn bộ Chương trình đào tạo được giảng viên thực hiện theo Đề cương môn học do Tổ chuyên môn thiết kế và xây dựng, được Trường Khoa xem xét đề xuất và Ban giám hiệu thông qua. Đề cương môn học được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

Giảng viên tham gia giảng dạy được tuyển chọn và sàng lọc theo Quy định đào tạo chất lượng cao.

Miễn ngoại ngữ phụ được thực hiện theo Quyết định về Miễn giảm môn học theo Quyết định số 577/QĐ-ĐHM ngày 14 tháng 8 năm 2013.

Để được đăng ký khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải đạt được những điều kiện sau tính đến học kỳ thứ 10 như sau: Tích lũy đủ 123 tín chỉ và điểm trung bình tích lũy đạt từ 7.5 trở lên.

10. Đề cương chi tiết môn học

Toàn bộ đề cương chi tiết các môn học trong chương trình đào tạo được trình bày trong Phụ lục số 1 đính kèm.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phúc